

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 17 – 01 – 2024

V/v Tranh chấp ly hôn,
cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình.
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 797/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H bị bà Hoàng Thị H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6062/2023/QĐXXPT – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/61E, Phường X, quận TB, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 20 – 14 Block B, Chung cư Botanica Premier, số 108, Phường Y, quận TB, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) và bà Hoàng Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 05/7/2021 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận TB

cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, nhận thấy tình cảm không còn, sống chung cũng không hạnh phúc nên cả hai thuận tình ly hôn. Và theo đơn thuận tình ly hôn ngày 10/7/2022, ông T và bà H thống nhất thuận tình ly hôn, về con chung giao cho bà H trực tiếp nuôi, tài sản chung không có, nợ chung không có. Tuy nhiên, bà H thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn và cố tình gây khó dễ, thay đổi mức cấp dưỡng cao hơn. Ông T cho rằng không thể đoàn tụ với bà H vì bà H thường xuyên dùng những lời lẽ văng tục, xúc phạm, đe dọa ông T, ảnh hưởng đến tinh thần của ông T trong thời gian dài. Ông T nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T đơn phương ly hôn với bà H để ông T ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022, hiện do bà H trực tiếp chăm sóc do con còn nhỏ nên ông T yêu cầu giao cho bà H trực tiếp nuôi con. Theo đơn thuận tình thì ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 50.000.000đ. Tuy nhiên, từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2023, ông T đã cấp dưỡng cho con mỗi tháng 100.000.000đ với tổng số tiền 1.200.000.000đ, tất cả tài sản của ông T, ông T đã chuyển tên cho bà H và hiện tại, ông T còn nuôi dưỡng cho ba mẹ và hai con riêng nên từ tháng 7/2023 đến khi con đủ 18 tuổi, ông T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 30.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ghi nhận ý kiến của bà Hoàng Thị H theo đơn thuận tình ly hôn ngày 10/7/2022:

Bà H và ông T thuận tình ly hôn, về con chung có 01 con chung tên Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022, hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Linh A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000đ, tài sản chung: Không có, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” và chuyển sang vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp Ly hôn” và tại phiên tòa, bà H vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 797/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H đã nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 05/7/2021 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận TB cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ theo đơn thuận tình ly hôn ngày 10/7/2022, ông T và bà H thống nhất thuận tình ly hôn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, hôn nhân không thể cứu vãn được nên ông T và bà H yêu cầu thuận tình ly hôn. Tuy nhiên từ khi Tòa án

thụ lý đến nay, bà H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc ông T xin ly hôn, chứng tỏ bà H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí và biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T kiên quyết xin ly hôn với bà H để ông T ổn định cuộc sống, do bà H thường xuyên dùng những lời lẽ văng tục, xúc phạm, đe dọa ông T, ảnh hưởng đến tinh thần của ông T trong thời gian dài, ông T xác định ông T và bà H đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Ông T nhận thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022, ông T yêu cầu giao bà H trực tiếp nuôi con, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 30.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Xét yêu cầu của ông T yêu cầu giao con Trần Linh A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trẻ Trần Linh A còn nhỏ mới hơn 01 tuổi và trẻ đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để ổn định về sinh hoạt, tâm lý, sức khỏe, để trẻ được phát triển toàn diện cần có sự chăm sóc của người mẹ nên ông T yêu cầu giao cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Linh A là hợp lý và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T là người có thu nhập cao, tuy nhiên, ngoài trẻ Trần Linh A, hiện ông T còn có 04 người khác phụ thuộc là ba mẹ ruột của ông T là ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị T và 02 người con riêng của ông T là trẻ Trần Nguyễn Minh Th và Trần Nguyễn Minh A. Và trách nhiệm chăm lo cho con chung là trách nhiệm chung của cả ba và mẹ. Ông T cấp dưỡng cho trẻ Trần Linh A mỗi tháng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là cao so với nhu cầu cần thiết cho một trẻ và mức cấp dưỡng trung bình cho con so với các trẻ khác, tuy nhiên đây là sự tự nguyện của ông T và phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Trần Linh A mỗi tháng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu thi hành từ tháng 9/2023 tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, bà Hoàng Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 15/12/2023, bà Hoàng Thị H có đơn trình bày kháng cáo, bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về con chung: 01 trẻ Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022. Giao con chung trẻ Trần Linh A cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thi hành từ tháng 9/2023.

Bà Hoàng Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T.

Tại biên bản làm việc với đương sự ngày 25/12/2023, ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như trình bày của bà Hoàng Thị H ngày 15/12/2023. Ông Trần Văn T yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn T, bà Hoàng Thị H có xin yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như thời hạn gửi quyết định cho đương sự và Viện kiểm sát, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 290 và 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 296 – 298, 301 – 303, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục bắt đầu phiên tòa và tranh tụng tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Ngày 29/8/2023 Tòa án nhân dân quận TB tuyên án. Ngày 06/9/2023 tổng đạt trực tiếp cho bà Hoàng Thị H. Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân quận TB nhận được kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bà Hoàng Thị H kháng cáo với lý do: Bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 30.000.000 đồng/tháng từ tháng 9/2023, yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000 đồng/tháng từ tháng 9/2023 đến khi con tròn 18 tuổi.

Căn cứ hồ sơ vụ án, kháng cáo nhận thấy:

Ngày 15/12/2023, bà Hoàng Thị H có đơn trình bày kháng cáo, bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về con chung: 01 trẻ Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022. Giao con chung trẻ Trần Linh A cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông

Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thi hành từ tháng 9/2023.

Bà Hoàng Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T.

Tại biên bản làm việc với đương sự ngày 25/12/2023, ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Hoàng Thị H đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như trình bày của bà Hoàng Thị H ngày 15/12/2023 và yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận.

Bà Hoàng Thị H kháng cáo yêu cầu tăng mức cấp dưỡng từ 30.000.000 đồng/tháng lên thành 35.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn đồng ý mức cấp dưỡng 35.000.000 đồng/tháng, do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 797/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận TB, về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị H làm trong hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị H, xét thấy:

Ngày 15/12/2023, bà Hoàng Thị H có đơn trình bày kháng cáo, bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về con chung: 01 trẻ Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022. Giao con chung trẻ Trần Linh A cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thi hành từ tháng 9/2023.

Bà Hoàng Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T.

Tại biên bản làm việc với đương sự ngày 25/12/2023, ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như trình bày của bà Hoàng Thị H ngày 15/12/2023. Ông Trần Văn T yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Nhằm đảm bảo lợi ích chính đáng của con chưa thành niên, tạo điều kiện thuận lợi cho bà Hoàng Thị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ấn định ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 (Dương lịch) hàng tháng, thi hành từ tháng 9/2023

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 797/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm (Về cấp dưỡng nuôi con): Ông Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Hoàng Thị H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 104, Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị H.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 797/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với bà Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T ly hôn bà Hoàng Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 05/7/2021 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận TB, Thành phố H cấp cho bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 01 trẻ tên Trần Linh A, sinh ngày 06/3/2022.

Giao con chung trẻ Trần Linh A cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thi hành ngày 10 (Dương lịch) hàng tháng, từ tháng 9/2023 cho đến khi trẻ Trần Linh A tròn 18 tuổi. Việc giao nhận con chung tên Trần Linh A và tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần Văn T phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023168 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H.

5. Án phí dân sự sơ thẩm (Về cấp dưỡng nuôi con): 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần Văn T phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031840 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H. Ông Trần Văn T phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Xử lý số tiền bà Hoàng Thị H nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Hoàng Thị H nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031840 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

II. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Hoàng Thị H không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023570 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS.TP.H;
- TAND.QTB, TP.H;
- UBND PX, QTB, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

